



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /2016/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày **18** tháng **01** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 4606/TTr-STNMT ngày 14 tháng 12 năm 2015 về việc đề nghị Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2013/QĐ -UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, người sử

dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo BRVT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trên địa
bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2016/QĐ-UBND ngày 18 / 01 /2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trong quá trình quản lý sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có liên quan đến việc quản lý đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có hành vi vi phạm pháp luật đất đai nêu tại Điều 3 của Quy định này (gọi chung là người sử dụng đất).

Điều 3. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

2. Người sử dụng đất có ý hủy hoại đất;

3. Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

4. Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật Đất đai mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

5. Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

6. Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm; 2

7. Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

8. Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

9. Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

Trường hợp các dự án đầu tư đã được chấp thuận đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư có liên quan đến thủ tục đất đai nhưng chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà vi phạm về tiến độ thực hiện thì xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

2. Trong quá trình phát hiện, xử lý thu hồi đất do vi phạm pháp luật, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, đảm bảo phải xử lý nhanh chóng, kịp thời và có kế hoạch đưa đất vào khai thác có hiệu quả đúng mục đích.

3. Người sử dụng đất có vi phạm pháp luật phải chấp hành quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, mọi quyền lợi liên quan đến đất bị thu hồi (nếu có) được giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai không được bồi thường về đất; tài sản gắn liền với đất trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 7, 8 Điều 3 của Quy định này.

6. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tổng cục Quản lý Đất đai đối với các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, các dự án được gia hạn; các dự án chậm tiến độ sử dụng đất vì lý do bất khả kháng.

7. Hình thức xử phạt, xác định tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật được nêu tại Điều 3 Quy định này phải tuân thủ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được ủy quyền.

Điều 6. Căn cứ pháp lý ban hành quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Vi phạm pháp luật đất đai thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định đã được xác định tại kết luận của Thanh tra.

2. Vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt xác định hành vi đó thuộc diện phải thu hồi đất theo quy định.

3. Vi phạm pháp luật đất đai thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai; rà soát; kiểm tra; kiểm kê; thống kê đất đai.

Điều 7. Cơ quan giải quyết và phối hợp giải quyết thủ tục

1. Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này

a) Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Cơ quan phối hợp giải quyết: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính; Cục Thuế tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước khác và tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này

a) Cơ quan giải quyết: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

b) Cơ quan phối hợp giải quyết: Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Thuế; cơ quan quản lý nhà nước khác và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thực hiện đối với trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

Trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai theo quy định tại Điều 3, tổng thời gian thực hiện thủ tục này không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo. Cụ thể như sau:

1. Sau khi nhận văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thu hồi đất, cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức thẩm tra, xác minh thực địa khi cần thiết, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất; phối hợp cùng các cơ quan có liên quan bàn giao khu đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo Giấy chứng nhận không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận.

Thời gian thực hiện các công việc trên không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền

Xem xét, trình ban hành quyết định thu hồi đất. Thời gian thực hiện không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình của cơ quan tài nguyên và môi trường.

Điều 9. Trình tự thủ tục thực hiện đối với trường hợp có liên quan đến việc xử lý phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất

Tổng thời gian thực hiện thủ tục này không quá 80 (tám mươi) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 90 (chín mươi) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo. Cụ thể như sau:

1. Sau khi nhận văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Điều 6 của Quy định này, cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức thanh tra, kiểm tra để xác định hành vi vi phạm quy định tại Điều 3 của quy định này khi cần thiết; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo Giấy chứng nhận không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận.

Thời gian thực hiện các công việc trên không quá 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa

Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 40 (bốn mươi) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm thuê đơn vị tư vấn có chức năng theo quy định thực hiện việc xác định phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất.

Hội đồng thẩm định phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất (do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì) được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc thẩm định kết quả xác định của Trung tâm phát triển quỹ đất; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định việc xác định phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất.

Thời gian thực hiện các công việc trên không quá 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 40 (bốn mươi) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền

Xem xét, trình ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định việc xác định phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất.

Thời gian thực hiện không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình của cơ quan liên quan.

Điều 10. Trình tự, thủ tục thực hiện gia hạn 24 tháng đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng

Trường hợp được gia hạn 24 tháng theo quy định tại Khoản 9 Điều 3, tổng thời gian thực hiện thủ tục này không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc đối với đất tại các xã, phường, thị trấn thuộc các thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa và các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Châu Đức, Xuyên Mộc; không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc đối với đất tại huyện Côn Đảo. Cụ thể như sau:

1. Sau khi nhận văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận gia hạn 24 tháng đối với trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng, cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức thẩm tra, xác minh thực địa khi cần thiết, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gia hạn.

Thời gian thực hiện không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền 2

Xem xét, trình ban hành quyết định gia hạn.

Thời gian thực hiện không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình của cơ quan tài nguyên và môi trường.

Chương III

THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

Điều 11. Cơ quan thực hiện quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm thực hiện quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai theo thẩm quyền.

Điều 12. Công bố quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

Cơ quan thực hiện quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai nêu tại Điều 11 có trách nhiệm công bố quyết định thu hồi đất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi đất và niêm yết công khai tại địa phương nơi có đất bị thu hồi.

Điều 13. Thi hành quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Người sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai bị xử lý thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi và bàn giao đất trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà người bị thu hồi đất không tự nguyện chấp hành thì tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định sau:

a) Trường hợp cơ quan thực hiện quyết định là Trung tâm phát triển quỹ đất thì trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày hết thời hạn chấp hành, phải có văn bản đề nghị cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất bị thu hồi.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan thực hiện quyết định là Ủy ban nhân dân cấp huyện thì trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chấp hành quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế theo quy định.

c) Chi phí thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất do người bị thu hồi đất chi trả.

Điều 14. Quản lý quỹ đất sau khi thu hồi

1. Đất thu hồi theo quy định tại Điều 3 của Quy định này thì giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất để quản lý, đấu giá Quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp đất đã thu hồi theo quy định tại Điều 3 của Quy định này là đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn thì giao cho UBND cấp xã quản lý.

3. UBND cấp xã, Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập sổ quản lý, theo dõi toàn bộ các khu đất được thu hồi do vi phạm theo Quy định này.

4. Cơ quan được giao quản lý đất có trách nhiệm quản lý chặt chẽ đất được giao; nhanh chóng đề xuất việc khai thác sử dụng hiệu quả đất thu hồi.

Điều 15. Xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

1. Trường hợp đã có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật sử dụng đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai thì thực hiện theo quy định Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì thực hiện thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất đã ban hành và xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất thu hồi theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong công tác xử lý, thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật sử dụng đất đai theo đúng Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan; là cơ quan đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến đóng góp, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này.

Thường xuyên kiểm tra các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật đất đai để xử lý, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền. Hàng năm, tổng hợp kết quả xử lý, tình hình xử lý thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi và các cơ quan có liên quan hướng dẫn và phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu hồi đất do vi phạm; tổng hợp các khoản kinh phí hoàn trả cho người sử dụng đất khi bị thu hồi theo đề nghị của Hội đồng thẩm định phần giá

trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thanh tra tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, xem xét, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý thu hồi đất theo quy định đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai.

3. Các Sở, Ngành theo chức năng nhiệm vụ phát hiện những vi phạm pháp luật về đất đai để xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương.

2. Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức việc kiểm kê phục vụ cho công tác xử lý tài chính, tài sản liên quan đến việc thu hồi đất và đề xuất phương án khai thác sử dụng khu đất được thu hồi phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tỉnh.

3. Tổ chức cưỡng chế đối với những trường hợp không tự nguyện chấp hành quyết định thu hồi đất do vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao đất, cho thuê đất, đề xuất việc xử lý các dự án vi phạm pháp luật về đất đai; tình hình xử lý thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn trước ngày 31 tháng 10 hàng năm để UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

1. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương.

2. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất trong việc kiểm kê phục vụ cho công tác xử lý tài chính, tài sản liên quan đến việc thu hồi đất và thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất do vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4. Theo dõi việc thực thi pháp luật về đất đai, đảm bảo tổ chức thi hành pháp luật về đất đai trên địa bàn.

Điều 19. Kinh phí để lập hồ sơ thu hồi và quyết định thu hồi

Kinh phí đảm bảo cho việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật được chi trả theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tổ tụng hành chính.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để kịp thời bổ sung và sửa đổi. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình